

LÝ LUẬN VĂN HỌC NHÌN LẠI VÀ NGHĨ TIẾP

NGUYỄN VĂN HẠNH*

1. Lý luận văn học là hệ thống những quan niệm tổng quát nhất về văn học, về nguồn gốc, bản chất, chức năng, qui luật vận động và phát triển của văn học. Lý luận văn học có lúc được coi như là triết học về văn học. Nhưng trên thực tế, lý luận văn học thường bao hàm trong bản thân nó cả cơ sở triết học, tư tưởng, khoa học. Tùy theo cơ sở triết học, tư tưởng, khoa học này mà hình thành những lý luận văn học khác nhau, từ nơi này đến nơi khác, từ thời kỳ này sang thời kỳ khác. Giá trị của các hệ thống lý luận của văn học cũng rất khác nhau. Có hệ thống soi sáng được nhiều mặt và sâu sắc hiện tượng văn học, tồn tại lâu dài. Có hệ thống chỉ xuất hiện một thời gian ngắn, rồi rơi vào quên lãng.

Lý luận cần thiết cho mọi hoạt động của con người. Con người, khác với các sinh vật khác, trước khi làm một việc gì, đều hình dung trong óc công việc sắp làm, nghĩa là có ý niệm, có "lý tưởng" có lý luận về nó. Đặc trưng này càng thể hiện rõ hơn trong những hoạt động đòi hỏi cao về năng lực tư duy, về sự sáng tạo, như văn học nghệ thuật.

Không chỉ những người nghiên cứu khoa học, mà cả nhiều người sáng tác văn học, đều ý thức được vai trò đặc biệt quan trọng của lý luận văn học trong hoạt động văn học. Văn học sử, phê bình văn học, phương pháp luận nghiên cứu văn học đều dựa vào lý luận văn học, dựa vào các khái niệm, phạm trù, nguyên tắc do lý luận văn học xác lập để phân tích, đánh giá, phân loại các hiện tượng văn học, dù người thực hiện có ý thức hay không có ý thức rõ rệt về điều này.

Trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, làm lý luận, nói chung, làm lý luận văn học, nói riêng, có nhiều cái khó. Tư duy lý luận đòi hỏi sự khái quát cao, khả năng trừu tượng hóa mạnh, tính suy nghĩ độc lập và sáng tạo. Di sản tinh thần truyền thống chúng ta ít có sở trường về tư duy lý luận, những ý

* GS, TS, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

tưởng, quan niệm đặc sắc, mới mẻ ở ta chỉ thường xuất hiện lẻ tẻ, đột xuất, không hợp thành học thuyết, thành hệ thống. Điểm yếu hay đặc điểm này có cội rễ sâu xa trong sinh hoạt và của tinh thần của dân tộc luôn phải lo giải quyết những vấn đề thực tiễn bức bách của sự sinh tồn; mặt khác, do tác động hầu như độc tôn và có tính chất câu thúc của Nho giáo được xem trước hết như một học thuyết về xử thế trải qua hàng nghìn năm tồn tại của chế độ phong kiến. Trong thời kỳ cận hiện đại, đất nước lại rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp, tiếp đó là những cuộc chiến tranh kéo dài nhiều thập kỷ để giành độc lập và thống nhất. Chúng ta ít có điều kiện giao lưu quốc tế rộng rãi, quan tâm đến lý luận, tiếp thu lý luận, phát triển lý luận theo tinh thần cởi mở, tự do, dân chủ, qua nghiên cứu công phu, đối thoại, tranh luận thật sự, như lý luận nghiêm túc đòi hỏi. Ý thức rõ điều này để càng ra sức phấn đấu về mặt lý luận, tạo một không khí thuận lợi cho hoạt động lý luận, cho sự phát triển lý luận rất cần thiết cho văn học nghệ thuật và công cuộc xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Mấy mươi năm nay, từ khi Đảng thành lập và lãnh đạo cách mạng Việt Nam năm 1930, đặc biệt là từ sau cách mạng tháng tám 1945, lý luận văn học nghệ thuật ở nước ta chủ yếu được tiến hành theo quan điểm Mác xít trong thể đan xen, đấu tranh, kết hợp với lý luận văn học truyền thống của dân tộc và lý luận văn học hiện đại phương Tây.

Con đường vận động và phát triển của lý luận văn học thời gian này có thể phân ra ba chặng: Từ khi thành lập Đảng đến năm 1948 -1949 (Thời điểm công bố công trình *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* của Trường Chinh và diễn ra hội nghị tranh luận về văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc); Từ năm 1948-1949 đến năm 1986 (khi có chủ trương đổi mới); Từ 1986 đến nay.

Hoạt động lý luận văn học thể hiện tập trung ở ba dạng, ba loại công việc:

Một là, các văn kiện của trung ương và các bài phát biểu của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước về văn hóa nghệ thuật, trong đó rất đáng chú ý là *Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943* và công trình *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* của Trường Chinh đã thật sự mở đầu cho văn hóa văn nghệ theo quan điểm Mác xít ở nước ta.

Hai là, những cuộc tranh luận, thảo luận về văn học nghệ thuật, những cuộc tranh luận về vấn đề "nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân

sinh" vào những năm 30; Hội nghị tranh luận về văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc năm 1949; đợt phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu sau ngày hòa bình được lập lại trên miền Bắc; hai ngày làm việc và đóng góp ý kiến thẳng thắn của văn nghệ sĩ nhân cuộc gặp với tổng bí thư Nguyễn Văn Linh chuẩn bị cho nghị quyết 05 của Bộ chính trị về văn hóa văn nghệ; các đợt thảo luận trên các báo và tạp chí về các vấn đề lý luận văn học, như về chủ nghĩa hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa, về tính Đảng, về phản ánh luận và ý kiến của Lenin về văn học nghệ thuật, về phương pháp luận nghiên cứu văn học, về thể loại, về thi học, về thực trạng công tác lý luận và phê bình văn học hiện nay...

Ba là, công tác nghiên cứu, giảng dạy, biên soạn các chuyên luận, các giáo trình, sách giáo khoa về lý luận văn học ở các trường đại học, viện nghiên cứu và các cơ quan văn hóa văn nghệ.

Lý luận văn nghệ Mác-xít coi văn học nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội, nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa văn học nghệ thuật với hiện thực cuộc sống và đấu tranh tư tưởng, đấu tranh giai cấp trong xã hội. Từ luận điểm cơ bản này, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã đề cao chủ nghĩa hiện thực, khẳng định tính khuynh hướng, tính đảng trong văn học nghệ thuật. Phương pháp sáng tác và trào lưu văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa xuất hiện ở Liên Xô đầu những năm 30 rồi phổ biến sang các nước Xã hội chủ nghĩa và nhiều nước khác trên thế giới đã thể hiện một *yếu cầu kép* về nhận thức và tư tưởng, về chủ nghĩa hiện thực và tư tưởng xã hội chủ nghĩa, nêu bật chức năng nhận thức và giáo dục của văn học nghệ thuật theo quan điểm Mác-xít.

Theo quan điểm Mác-Lênin và đường lối văn hóa nghệ thuật của Đảng, lý luận văn học của chúng ta đã đề cao tư tưởng văn nghệ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ công cuộc kháng chiến và sự nghiệp kiến quốc, coi văn nghệ là một mặt trận và nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy, khẳng định ưu thế của chủ nghĩa hiện thực trong tiến trình văn học, và hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp tốt nhất trong thời đại xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta, chúng ta đặc biệt nhấn mạnh tính nhân dân, bản sắc dân tộc và tính chiến đấu của văn nghệ, mối liên hệ mật thiết giữa văn nghệ và chính trị.

Trên cơ sở nhận thức này, chúng ta đã bàn bạc và giải quyết nhiều vấn đề cụ thể về văn học thời kháng chiến chống Pháp, về việc xây dựng nền văn nghệ mới trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, biểu dương phê phán kịp thời văn

nghệ vùng giải phóng và tại các đô thị miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, sưu tầm, nghiên cứu với thái độ trân trọng vốn văn học dân gian và cổ điển của dân tộc, tiếp thu có phê phán và chọn lọc sáng tác và lý luận văn học nước ngoài... Rõ ràng những thành tựu to lớn của văn học nghệ thuật thời kháng chiến không tách rời với đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng và có sự đóng góp của lý luận văn học.

Tiếp thu quan điểm, quan niệm lý luận văn học của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là của Liên Xô và Trung Quốc, không phải không có lúc ta tỏ ra bị động và phạm phải sai lầm, nhưng những lệch lạc sớm được nhận ra và khắc phục, chúng ta đã biết làm phong phú thêm cho lý luận văn học bằng những thành tựu lý luận của các nước khác.

Từ cách tiếp cận văn học nghệ thuật dựa trên cơ sở triết học duy vật (nhận thức luận, phản ánh luận) và hệ tư tưởng, từng bước chúng ta đã huy động vào nghiên cứu văn học và lý luận văn học, ngoài sử học và xã hội học, cả mỹ học, lý thuyết thông tin và giao tiếp, lý thuyết tiếp nhận... Quan hệ giữa văn học nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội khác, các hoạt động khác của con người được xem xét cận kẽ và biện chứng hơn; đặc trưng của văn học được nghiên cứu thấu đáo hơn; một số chức năng mới của văn học như chức năng thẩm mỹ, chức năng dự báo được thừa nhận rộng rãi; văn học được quan niệm là nghệ thuật ngôn từ; quá trình tiếp nhận tác phẩm, vai trò của người học đã được đặt ra những vấn đề mới mẻ cho lý luận và nghiên cứu văn học.

Từ khi có chủ trương đổi mới năm 1996, trong hoàn cảnh đất nước đã giành được độc lập và thống nhất trọn vẹn, với một cái nhìn hiểu biết và thực tiễn, cởi mở hơn về tư tưởng, lý luận, về văn hóa văn nghệ, lý luận văn học ở nước ta có điều kiện và mạnh dạn tiếp thu nhiều quan niệm lý luận văn học mới, trong đó có những quan niệm lý luận văn học trước đây bị coi là xa lạ với chủ nghĩa Mác-Lênin, bị lên án gay gắt: tâm phân học, cấu trúc luận, chủ nghĩa hình thức, ký hiệu học, thi pháp học v.v...

Những khuynh hướng lý luận văn học mới được tiếp thu, khai thác theo hướng kết hợp với quan điểm Mác-xít, hoặc độc lập với quan điểm này, đạt mức độ nông sâu, phổ biến và hiệu quả khác nhau, nhưng nhìn chung đã làm cho công tác lý luận và nghiên cứu văn học có sinh khí hơn, khơi dậy được nhiều tìm tòi mới về cách nhìn, về bình diện nghiên cứu, về phương pháp tiếp cận hiện tượng văn học. Việc khai thác tâm lý học, lý thuyết thông tin và giao tiếp, ngôn ngữ học, mỹ học tiếp nhận, lý luận hệ thống và cấu trúc, tâm phân

học, văn học so sánh, thi pháp học, đã mang lại những kết quả rất đáng khích lệ trong lý luận văn học và nghiên cứu văn học chúng ta gần đây. Và đến bây giờ có thể nói không thể hình dung tình hình và triển vọng nghiên cứu văn học của chúng ta bên ngoài bức tranh lý luận nhiều màu sắc ấy, tách rời những nỗ lực có thể coi là nhạy cảm và tức thời của nhiều nhà nghiên cứu văn học trong bối cảnh văn học chuyển sang một bước ngoặt mới sự vận động và phát triển, xét cả ở phạm vi quốc gia và quốc tế.

3. Hiện tại chúng ta vẫn đang đứng trước ba mảng lý luận văn học lớn cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, khai thác.

Một là, lý luận văn học Mác-xít. Thực tế nghiên cứu văn học ở nước ta, cũng như nhiều nước trên thế giới, từ lâu đã khẳng định đây là lý luận rất nhất quán, có giá trị lớn, soi sáng được hiện tượng văn học trên nhiều mặt và có chiều sâu. Đây cũng là hướng sở trường, quen thuộc của nhiều nhà nghiên cứu chúng ta qua nhiều thế hệ. Lý luận văn học Mác-xít giàu tiềm năng và còn nhiều việc để làm. Chủ nghĩa hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa sẽ có ý nghĩa như thế nào trong văn học ngày nay? Hay như mối quan hệ giữa văn học và chính trị, tuy được bàn đến nhiều và có lúc đã có lời than phiền về sự chính trị hóa văn học, thật ra cũng chưa được xem xét đến nơi đến chốn. Nhìn văn học dưới góc độ chính trị cũng bình thường, hợp lí như nhìn văn học dưới góc độ triết học, đạo đức, mỹ học, tôn giáo, nhất là ở phương Đông. Chính trị hóa sinh hoạt xã hội đang là một dấu hiệu hiển nhiên ở nhiều nước, khiến vấn đề càng có ý nghĩa thời sự. Cố gắng của một số nhà nghiên cứu văn học gần đây muốn nghiên cứu văn học theo hướng văn hóa học, nhân học là hoàn toàn có cơ sở.

Không nên quên rằng lý luận văn học Mác-xít trong một thời gian khá dài, do nhu cầu và ý thức khẳng định, bảo vệ, đã vận động và phát triển hầu như biệt lập với các quan niệm lý luận văn học khác trên thế giới. Do tình hình này mà phần nào khả năng đối thoại, tranh luận của nó bị hạn chế, và nguy cơ tự mãn, giáo điều là một mối đe dọa không thể coi thường. Thế giới quan Mác-xít là một "hệ thống mở". Kiên trì những "nguyên tắc chủ yếu" vững chắc, nó có nhu cầu và đủ sức thu hút những thành tựu lý luận và khoa học bên ngoài để tự làm giàu và biến đổi cùng với cuộc sống. Nhận định của Engels về chủ nghĩa Mác trong bức thư gửi cho Werner Sombart ngày 11-3-1895 càng giúp ta hiểu đúng vấn đề này: "*Nhưng toàn bộ quan điểm triết học của Marx không phải là một học thuyết mà là một phương pháp* (tôi nhấn mạnh - NVH); nó

không đưa ra những giáo điều định sẵn, mà cung cấp những điểm xuất phát và phương pháp để tiếp tục nghiên cứu"¹.

Mảng lý luận văn học thứ hai mà chúng ta cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, khai thác là lý luận văn học cổ điển của dân tộc và của phương Đông, mà tiêu biểu nhất là của Trung Quốc và Ấn Độ. Về mảng này, các công trình nghiên cứu đã được thực hiện còn lẻ tẻ, chưa có hệ thống, chưa chuyên sâu. Không ít trường hợp cách nghiên cứu chỉ dừng lại ở chỗ hiện đại hóa vốn cổ, khái quát hóa vốn cổ theo các khái niệm và phạm trù lý luận văn học hiện đại. Đương nhiên cách làm này cũng có ý nghĩa nhất định. Nhưng có lẽ còn quan trọng hơn là hướng nghiên cứu lý luận văn học cổ trong hệ thống của chính nó, dựa vào các khái niệm và phạm trù vốn có trong hệ thống lý luận này. Như vậy, tinh thần, tính độc đáo và giá trị của lý luận văn học cổ phương Đông sẽ bộc lộ rõ hơn, và chắc chắn sẽ có những gợi ý, bổ sung mới mẻ cho lý luận văn học hiện đại.

Mảng lý luận văn học thứ ba cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, khai thác, là lý luận văn học hiện đại phương Tây. Mảng này khá phong phú và phức tạp. Sau khi có chủ trương đổi mới, phần lớn công sức các nhà nghiên cứu văn học của ta đều tập trung vào việc tìm hiểu và vận dụng mảng lý luận này. Phần vì đây là những lý luận khác lạ, chúng ta chưa biết được bao nhiêu, dù là thông qua các công trình lý luận văn học của Liên Xô trước đây mà ta chịu ảnh hưởng khá sâu sắc. Phần vì cách tiếp cận hiện tượng văn học ở đây khá mới mẻ, bất ngờ, gợi mở nhiều suy nghĩ. Và cho đến bây giờ mà nói, thì quả là lý luận văn học hiện đại phương Tây đã có đóng góp đáng kể vào việc hiện đại hóa lý luận và nghiên cứu văn học chúng ta trong thời gian qua.

Nhưng với một thái độ nghiêm túc, nhằm đảm bảo tiến bộ vững chắc trong lĩnh vực này, sắp tới, chúng ta cần nghiên cứu và giới thiệu kỹ hơn về mảng lý luận này (có thể qua việc dịch một số công trình của các nhà lý luận có uy tín). Công tác nghiên cứu và công tác tư liệu về các lý luận mới này cần phải làm kỹ hơn, bài bản hơn, thì đổi mới mới được nhận thức lý luận của giới nghiên cứu và người đọc. Chưa tìm hiểu kỹ một lý thuyết, mới nắm được đôi điểm mình thấy thích thú đã vội đưa vào vận dụng, thì nhất định sẽ không đi được xa và dễ thay đổi ý kiến, cái được gọi là "mới" lắm khi và chỉ khi là cách gọi mới điều đã cũ. Giá trị của các lý luận hiện đại cũng không giống nhau.

¹ Mác và Ăngghen. Tuyển tập, tập VI, Sự thật, 1984, trang 808.

Về phần tôi, tôi nhận thấy rõ đóng góp rất tích cực của lý thuyết tiếp nhận, của tâm phân học, lý thuyết hệ thống và cấu trúc, ngôn ngữ học hiện đại, thi học hiện đại, lý luận về tiểu thuyết, nguyên lý đối thoại và nhân học triết lý (của Barthes). Cũng dễ nhận thấy rằng nhiều lý thuyết hiện đại phương Tây tập trung sự chú ý vào phương diện hình thức, cái biểu đạt, ký hiệu, không quan tâm hay trừu tượng hóa phương diện nội dung, cái được biểu đạt, nghĩa - điều này hoàn toàn có lý về mặt tư duy khoa học nhưng có thể dẫn đến sự hiểu biết không đầy đủ, không chính xác về văn học ở người đọc.

5. Do yêu cầu khách quan sự phát triển và hiện đại hóa nền văn học nước nhà, từ những kinh nghiệm đã tích lũy được trong thực tiễn nghiên cứu văn học vừa qua, theo tôi nghĩ, trong lĩnh vực lý luận văn học, chúng ta cần có thái độ thực sự cầu thị, biết trân trọng mọi giá trị lý luận bất kể từ đâu tới. Tiếp thu có chọn lọc, phê phán là một phương châm đúng đắn. “Từ cũ mà hiểu mới”, lại “từ mới mà hiểu cũ”. “Lấy ta để hiểu người”, lại phải biết “lấy người để hiểu ta”. Trân trọng truyền thống nhưng đồng thời phải ý thức rõ ràng truyền thống không đủ để giải quyết tốt những vấn đề mới xuất hiện và sẽ nảy sinh. Muốn có phát triển, tiến bộ thực sự, không có con đường nào khác là phải suy nghĩ tìm tòi, luôn đối chiếu so sánh mình với người, phát huy cái hay và loại bỏ cái dở của mình, học cái được, cái tốt ở người để đạt tiến bộ thuận lợi và nhanh hơn. Mọi lý luận có giá trị đều là một cách nhìn mới, một cách tiếp cận mới đối với sự vật. Mỗi lý luận, dù là nghiêm túc nhất, vẫn bị giới hạn về thời gian và không gian, và chỉ soi sáng được một vài mặt nào đó của sự vật mà thôi, do đó, cần được tiếp nối bổ sung bởi những lý luận khác, xuất hiện về sau. Trong lý luận văn học, cũng như trong mọi hoạt động đích thực khác, cần phải tỉnh táo, đối với mình không được chủ quan, tự mãn, đối với người cần khách quan, thận trọng chu đáo, không nên bài bác một cách thành kiến, vội vã, khi chưa tìm hiểu kĩ. cũng không nên cả tin, vồ vập. Thực tiễn, thời gian là hòn đá thử vàng đối với mọi lý luận.

Chúng ta đánh giá, tiếp thu các lý luận, các học thuyết, cuối cùng lại, là vì nhu cầu thực tiễn, là nhằm soi sáng, phân tích, đánh giá, giải thích hiện tượng văn học ở nhiều cấp độ khác nhau, ngày càng toàn diện, sâu sắc, mới mẻ hơn. Để làm sáng tỏ những vấn đề chung nhất của văn học như nguồn gốc của văn học, bản chất và chức năng của văn học, quy luật vận động và phát triển của văn học, lý luận văn học lâu nay thường chú ý đến các bình diện và liên hệ sau đây: Văn học và hiện thực cuộc sống; văn học và các lĩnh vực hoạt

động khác của con người; tính dân tộc và tính nhân loại của văn học; vấn đề truyền thống và cách tân trong văn học; nhà văn và tác phẩm, bản chất và động lực của sự sáng tạo; tác phẩm và người đọc, vấn đề tiếp nhận văn học; tác phẩm văn học: nội dung, hình thức, chất liệu của tác phẩm, cấu trúc của tác phẩm, giá trị của tác phẩm; loại thể văn học; các phạm trù phong cách, thi pháp, phương pháp sáng tác, trào lưu và trường phái văn học...

Lý luận, khoa học có thể phát hiện ra những chiều kích mới, liên hệ mới của hiện tượng văn học, đề xuất những khái niệm, phạm trù mới để xem xét. Những người lập thuyết thường chỉ tập trung sự chú ý, đi sâu vào quan niệm mới, cách tiếp cận mới của mình, coi đó như một đóng góp mới về lý luận, về khoa học; còn những nhà nghiên cứu bình thường thì kết hợp khai thác nhiều thành tựu lý luận, khoa học cùng một lúc để làm sáng tỏ đối tượng nghiên cứu trên nhiều mặt và có chiều sâu hơn.

Trên đây chỉ là một cách nhìn, một cách suy nghĩ về tình hình lý luận văn học hôm qua và hôm nay. Đương nhiên, có những cách nhìn khác, suy nghĩ khác. Là người trong cuộc, tôi cũng biết có những đợt phê phán gay gắt, những "vụ án" văn học nặng nề, liên quan hoặc chẳng liên quan gì đến lý luận văn học. Chắc chắn phải có một công trình nghiên cứu công phu về vấn đề này, có thể trong một hoàn cảnh khác. Nhưng chủ định của tôi là hướng về phía trước, góp sức xây dựng một không khí, một môi trường sống và làm việc bình thường, trung thực, cởi mở, biết tôn trọng ý kiến và sáng kiến cá nhân, vì sự phát triển lành mạnh, vì tiến bộ của lý luận văn học và sự nghiệp văn học nghệ thuật nói chung. Đó cũng là đòi hỏi của ý thức về nhân cách và phẩm giá cá nhân, về quyền tự do dân chủ ngày càng cắm rễ sâu vào sinh hoạt tinh thần và xã hội nước ta.

TP Hồ Chí Minh, tháng 10/2004